

Số: 07/TB-PKT

Hiển Khánh, ngày 10 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán Quý I năm 2026 của phòng Kinh tế xã Hiển Khánh

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân;

Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND xã Hiển Khánh khoá I, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ nhất về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã Hiển Khánh, tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Hiển Khánh về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương xã Hiển Khánh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND xã Hiển Khánh về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Chuyên viên Phụ trách kế toán phòng Kinh tế.

Phòng Kinh tế xã Hiển Khánh thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán Quý I năm 2026 (Kèm theo biểu số liệu báo cáo).

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử của UBND xã Hiển Khánh và tại trụ sở UBND xã.

Phòng Kinh tế xã Hiển Khánh thông báo để các ban ngành, đoàn thể và các đơn vị liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Văn Xứng

Đơn vị: Phòng Kinh tế xã Hiền Khánh
 Chương: 831

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Hiền Khánh, ngày 05 tháng 4 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I năm 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)
 Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
 Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.980.020.000	888.083.896	11,13	
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.980.020.000	888.083.896	11,13	
1	Chi quản lý hành chính	2.642.020.000	494.616.496	18,72	
	341 - Quản lý nhà nước	2.642.020.000	494.616.496	18,72	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.642.020.000	494.616.496	18,72	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	75.000.000			
	103 - Phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội	75.000.000			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	75.000.000			
3	Chi bảo đảm xã hội	272.000.000	181.000.000	66,54	
	398 - Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	272.000.000	181.000.000	66,54	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	272.000.000	181.000.000	66,54	
4	Chi hoạt động kinh tế	2.450.000.000	131.667.400	5,37	
	281 - Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp	300.000.000	30.000.000	10,00	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	300.000.000	30.000.000	10,00	
	283 - Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	200.000.000			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Đơn vị: Phòng Kinh tế xã Hiền Khánh

Chương: 831

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	200.000.000			
	292 - Giao thông đường bộ	1.650.000.000	76.264.000	4,62	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.650.000.000	76.264.000	4,62	
	332 - Các hoạt động điều tra, thăm dò, khảo sát, tư vấn, quy hoạch trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, nhân văn	300.000.000	25.403.400	8,47	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	300.000.000	25.403.400	8,47	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.541.000.000	80.800.000	3,18	
	261 - Xử lý chất thải rắn	2.541.000.000	80.800.000	3,18	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.541.000.000	80.800.000	3,18	

Ngày 05 tháng 4 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Hoàng Văn Xứng